

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06/5/2025.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Kim Lan.

2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diễm Thuý – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ám – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 106/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/4/2025. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Số A, khu phố D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Dương Bích V - Văn phòng luật sư Lê Vũ Hồng H thuộc Đoàn luật sư tỉnh B (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Thái H1, sinh năm 1991 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số C, khu phố F, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 17/3/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày: Bà và ông Lê Thái H1 kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B,

tỉnh Bến Tre vào năm 2020, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau dẫn đến không có tiếng nói chung, vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2024 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H1. Về con chung: Bà và ông H1 có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Thiên P, sinh ngày 09/6/2022, sau khi ly hôn bà N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con. Bà đang công tác tại Công an thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre, thu nhập bình quân mỗi tháng là khoảng 19.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Dương Bích V trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà N và ông H1. Về con chung: hiện tại cháu P chưa được 36 tháng tuổi và đang học mầm non tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre, đồng thời bà N cũng có công việc và thu nhập ổn định từ tiền lương nên có đủ điều kiện để nuôi con, hơn nữa anh H1 còn có 01 con riêng; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu P cho bà N được trực tiếp nuôi, ghi nhận việc bà N không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông H1 thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Thái H1 trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà N về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn. Ông đồng ý ly hôn với bà N do trước đó vào năm 2021 ông và bà N có xảy ra mâu thuẫn nên bà N đã về nhà cha mẹ ruột tại địa chỉ số A, khu phố D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre đến nay. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Thiên P, sinh ngày 09/6/2022. Cháu P hiện nay đang sống với bà N, sau khi ly hôn ông H1 có nguyện vọng nuôi cháu P vì ông cho rằng cháu P đang bị bệnh và bà N không đủ điều

kiện nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể: Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim N và ông Lê Thái H1; về con chung: giao con chung cho bà N được trực tiếp nuôi, ghi nhận bà N không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết; tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Lê Thái H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông H1 là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Lê Thái H1 trên cơ sở quen biết nhau trước nên cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre vào năm 2020. Xét thấy, hôn nhân của bà N và ông H1 đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hôn nhân gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, bà N và ông H1 có thời gian sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung nhưng vì những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình mà đã dẫn đến việc bà N xin ly hôn. Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà N cho rằng nguyên nhân mất hạnh phúc là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau dẫn đến không có

tiếng nói chung, vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2024 đến nay.

[2.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mời bà N và ông H1 đến Tòa án để tiến hành hòa giải hôn nhân của ông bà nhưng ông bà vẫn không thỏa thuận hàn gắn đoàn tụ được nên ông bà đều có nguyện vọng được ly hôn với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà N và ông H1 là phù hợp.

[3] Về con chung: thời gian sống chung, bà N và ông H1 có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Thiên P, sinh ngày 09/6/2022 hiện đang sống chung với bà N. Sau khi ly hôn, bà N và ông H1 đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: cháu P hiện đang sống chung với bà N tại nhà cha mẹ ruột của bà N tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre; đồng thời hiện tại cháu P chưa được 36 tháng tuổi và đang học mầm non tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre. Tại phiên tòa, bà N cũng xác định cha mẹ ruột bà N phụ giúp việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P, đồng thời bà N cũng có công việc và thu nhập ổn định từ tiền lương của sĩ quan C là 19.000.000 đồng mỗi tháng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho sự phát triển tốt về thể chất, sự phát triển tốt về tinh thần và bảo đảm việc học hành cho cháu P nên Hội đồng xét xử giao cháu P cho bà N được trực tiếp nuôi là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc bà N không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của bà nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà N và ông H1 thống nhất trình bày là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà N phải chịu do bà N yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim N và ông Lê Thái H1.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Thiên P, sinh ngày 09/6/2022; sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Kim N được trực tiếp nuôi con chung, ghi nhận bà Nguyễn Thị Kim N không yêu cầu ông Lê Thái H1 cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà N và ông H1 thống nhất trình bày là không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008002 ngày 21/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre nên bà không còn phải nộp thêm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Phòng TT, KT và THA TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- UBND phường P, thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Đạt